

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Cheng Chia Wood số 03-CCN ngày 31 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 258/TTr-CCBVMT ngày 02 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Cheng Chia Wood, địa chỉ trụ sở chính tại khu phố 8, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, giai đoạn 1 tại phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3700652655 do Phòng Đăng ký kinh

doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 03 năm 2017; Giấy chứng nhận đầu tư số 461023000681 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 09 tháng 6 năm 2015.

1.4. Quyết định số 2507/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 tại xã Phú Chánh, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (*nay là phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên*).

1.5. Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 1554/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

1.6. Mã số thuế: 3700652655

1.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: các ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam:

TT	Tên ngành	Mã ngành				Ghi chú
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	C	10	-	-	<i>Không giết mổ gia súc, gia cầm</i>
2	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	C	13	139	1391	-
3	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	C	13	139	1399	-
4	Sản xuất trang phục (<i>trừ sản xuất sản phẩm từ da lông thú</i>)	C	14	-	-	-
5	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C	15	-	-	<i>Không thuộc da</i>
6	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (<i>trừ giường, tủ, bàn, ghế</i>); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	C	16	-	-	-

7	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C	17	-	-	<i>Không sản xuất bột giấy</i>
8	In, sao chép bản ghi các loại	C	18	-	-	
9	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	C	20	201	2013	<i>Không chế biến mủ cao su tươi</i>
10	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	C	20	202	2022	-
11	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C	20	202	2023	-
12	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	C	20	202	2029	-
13	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	C	21	-	-	-
14	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C	22	-	-	<i>Không chế biến mủ cao su tươi</i>
15	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	C	25	259	2599	<i>Không xi mạ</i>
16	Sản xuất linh kiện điện tử	C	26	261	2610	
17	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	C	29	293	2930	<i>Không xi mạ</i>
18	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C	31	-	-	-
19	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	C	32	325	3250	-
20	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	C	32	329	3290	-
21	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	C	33	332	3320	<i>Không xi mạ</i>

22	Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải	H	52	-	-	-
23	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L	68	-	-	<i>Cho thuê nhà xưởng</i>

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích Cụm công nghiệp là 1.191.314,20 m².
- Cụm công nghiệp có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.
- Cụm công nghiệp có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Cheng Chia Wood:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Công ty TNHH Cheng Chia Wood có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(Từ ngày.....tháng.....năm 2024 đến ngàytháng.....năm 2031).

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 38/GP-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 tại phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Cheng Chia Wood được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Cheng Chia Wood;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công thương;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Phú Chánh;
- Cổng Thông tin điện tử của STNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Tuyet5.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp trong Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 với lưu lượng khoảng 1.240 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành công trình xử lý nước thải tập trung với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của văn phòng Cụm công nghiệp với lưu lượng khoảng 01 m³/ngày.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn với lưu lượng khoảng 05 m³/ngày.
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu tái định cư và nhà ở công nhân Phú Chánh với lưu lượng khoảng 526 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Cái (tại phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Một điểm tại mương thoát nước tự nhiên thuộc phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (đã được Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh chấp thuận cho đầu nối nước mưa và nước thải đã qua xử lý ra mương thoát nước tự nhiên tại văn bản số 612/UBND-KT ngày 30 tháng 11 năm 2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1225306; Y = 604527 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.773 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý theo hệ thống ống HDPE có đường kính 350mm chiều dài khoảng 15m thoát ra mương thoát nước tự nhiên (chiều dài khoảng 500m) sau

đó thoát ra suối Cái và chảy ra sông Đồng Nai.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (*cột A*, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	1773	03 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	Màu	Pt/Co	50		
4	pH	-	6 đến 9		
5	COD	mg/l	67,5		
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
8	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		
9	Asen	mg/l	0,045		Không yêu cầu
10	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
11	Chì	mg/l	0,09		
12	Cadimi	mg/l	0,045		
13	Crom (VI)	mg/l	0,045		
14	Crom (III)	mg/l	0,18		
15	Đồng	mg/l	1,8		
16	Kẽm	mg/l	2,7		
17	Niken	mg/l	0,18		
18	Mangan	mg/l	0,45		
19	Sắt	mg/l	0,9		
20	Tổng xianua	mg/l	0,063		
21	Tổng phenol	mg/l	0,09		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
23	Sunfua	mg/l	0,18		
24	Florua	mg/l	4,5		
25	Tổng nito	mg/l	18		

26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
27	Clorua	mg/l	450		
28	Clo dư	mg/l	0,9		
29	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	3.000		
30	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27		
31	Tổng PCB	mg/l	0,0027		
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045		
33	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
34	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa HDPE đường kính 225 – 600mm và đường cống tròn bê tông cốt thép có đường kính 300 - 1.000mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của nhà điều hành công trình xử lý nước thải tập trung được thu gom bằng đường ống nhựa PVC có đường kính 90mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh của văn phòng Cụm công nghiệp được thu gom bằng đường ống nhựa PVC có đường kính 90mm đầu nối vào đường ống HDPE có đường kính 300mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn được thu gom bằng đường ống nhựa PVC có đường kính 60mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ khu tái định cư và nhà ở công nhân Phú Chánh được thu gom bằng đường ống nhựa PVC có đường kính 90mm đầu nối vào đường ống HDPE D300mm dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải => Bể thu gom => Lược rác tinh => Bể tách dầu => Bể điều hòa => Bể kiểm soát => Mương oxy hóa => Bể lắng sinh học => Bể phản ứng tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể khử trùng => Mương quan trắc => Thải ra môi trường (*mương thoát nước tự nhiên thoát ra suối Cái và chảy ra sông Đồng Nai*).

+ Bùn phát sinh => Bể chứa bùn => Máy ép bùn.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer Anion, Chlorine, mật rỉ đường (*hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, sau công trình xử lý nước thải tập trung, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (*đầu vào, đầu ra*), nhiệt độ, pH, TSS, COD, màu, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: đã lắp đặt.

- Camera theo dõi: Lắp đặt camera giám sát (*camera quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, camera quan sát mương quan trắc, camera quan sát thiết bị đo*).

- Kết nối, truyền số liệu: Thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (*có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động*) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm

tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Có công tơ điện độc lập; các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, máy thổi khí, ... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố:

- + Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng.... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

- + Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hồ gom gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- + Đối với sự cố nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải hoặc công trình xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và phải dừng hoạt động, nước thải sẽ được bơm tuần hoàn về bể thu gom để được xử lý lại. Trong thời gian nước thải vượt quy chuẩn được tuần hoàn về và xử lý lại, nếu bể điều hòa tiếp

nhận nước thải từ bể thu gom dẫn đến đầy bể, công nhân vận hành sẽ mở van bơm nước thải từ bể thu gom về cụm hồ sơ cố gồm 11 bể (*tổng thể tích lưu chứa 1.700 m³*); khi mực nước thải trong bể điều hòa hạ xuống, nước thải từ cụm hồ sơ cố sẽ được bơm về công trình xử lý nước thải để xử lý. Đồng thời, trong trường hợp cụm hồ sơ cố không đủ tải chứa thì thông báo các doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp tạm thời ngưng xả thải từ 01 đến 02 ngày theo như biên bản thỏa thuận hợp tác bảo vệ môi trường đã ký kết giữa hai bên, để khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, cam kết không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị mất điện, ngay lập tức đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Công ty tiến hành hợp đồng với đơn vị cho thuê máy phát điện, khắc phục sự cố khi có điện trở lại và bơm nước thải ngược về hệ thống để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Kiểm soát chất lượng, lưu lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga đầu nổi nước thải; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải tập trung:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	400
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	200
7	Asen	mg/l	0,05
8	Thủy ngân	mg/l	0,005
9	Chì	mg/l	0,1
10	Cadimi	mg/l	0,05
11	Crom (VI)	mg/l	0,05
12	Crom (III)	mg/l	0,2
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3

15	Niken	mg/l	0,2
16	Mangan	mg/l	0,5
17	Sắt	mg/l	1
18	Tổng xianua	mg/l	0,07
19	Tổng phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	0,5
22	Florua	mg/l	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	25
24	Tổng nitơ	mg/l	60
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	10
26	Clorua	mg/l	1.000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,01
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 03 tháng (*Bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực*).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 công trình xử lý nước thải có công suất thiết kế 3.000 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể thu gom của công trình xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải đầu ra: Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải*) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp phải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa theo đúng quy hoạch chung của Cụm công nghiệp, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Phải hoàn thành việc kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu

chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Khu vực công trình xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1225286; Y = 604435.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không có	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không có	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn hoặc sửa chữa, thay thế kịp thời.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn thải	16 01 06	NH	Rắn	12
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	Lỏng	12
3	Pin, ắc quy thải	19 06 05	NH	Rắn	06
4	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	Rắn	12
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý	12 06 05	KS	Bùn	98.915
6	Chai lọ đựng thuốc trừ sâu thải	14 01 05	KS	Rắn	02
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	KS	Rắn	240
8	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	KS	Rắn	240
9	Giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	120
Tổng cộng					99.559

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải đường phố, cây xanh	-	3.650
2	Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hồ ga thoát nước mưa	12 06 13	4.500

3	Chất thải rắn tại hố thu gom: gồm bịch nilong, hộp xốp, dây nhợ, hạt nhựa,...	12 05 03	104
Tổng cộng			8.254

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh của nhân viên làm việc ở khu văn phòng và nhà điều hành công trình xử lý nước thải tập trung	1.187
	Tổng	1.187

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 5 thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HPDE dung tích 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại; trang bị các bao chứa có dung tích chứa 25kg để chứa bùn thải đảm bảo kín để ngăn chất thải rò rỉ hoặc rơi vãi ra môi trường.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa: có 02 nhà kho lưu chứa
- + Diện tích kho lưu chứa bùn thải: 6m².
- + Diện tích kho lưu chứa các loại chất thải nguy hại còn lại: 16 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô*)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 05 thùng nhựa HDPE chuyên dụng có

nắp đậy, dung tích loại 240 lít đặt tại công trình xử lý nước thải và các góc đường nội bộ trong Cụm công nghiệp.

- Bùn thải từ nạo vét định kỳ các hồ ga thoát nước mưa: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định (*không lưu chứa*).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị 10 thùng nhựa HDPE chuyên dụng có nắp đậy, dung tích loại 120 lít, 500 lít đặt tại văn phòng, công trình xử lý nước thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật với diện tích 1.191.314,20 m² theo Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 1554/QĐ-STNMT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tiếp theo:

- Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung đảm bảo tổng công suất thiết kế là 4.000 m³/ngày (24 giờ) theo tiến độ đầu tư và nhu cầu đầu nổi nước thải của các cơ sở đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp Phú Chánh 1. Cụ thể như sau:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể thu gom => Lược rác tinh => Bể tách dầu => Bể điều hòa => Bể kiểm soát => Mương oxy hóa => Bể lắng sinh học => Bể phản ứng tạo bông => Bể lắng hóa lý => Bể khử trùng => Mương quan trắc => Thải ra môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer Anion, Chlorine, mật rỉ đường.

- Bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng trên tổng diện tích 1.191.314,20 m² của cơ sở.

- Thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng theo quy định của pháp luật. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực dự án trong quá trình thi công xây dựng. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sau khi hoàn thành các hạng mục trên, Công ty có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.
5. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
7. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.
8. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, quy định cụ thể tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp phù hợp theo từng loại hình ngành nghề sản xuất.
9. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.
10. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
11. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của Cụm công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

12. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.